

Số: 435 /BC-UBND

Kbang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình, kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025; dự toán thu, chi ngân sách năm 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Kbang

Năm 2025 là năm cuối của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 – 2025; năm đầu, thực hiện chủ trương tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã. Vì vậy, để hoàn thành dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 được Hội đồng nhân dân xã giao, Ủy ban nhân dân xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện dự toán ngân sách năm 2026. Qua tổng hợp số liệu thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã Kbang báo cáo Hội đồng nhân dân xã về tình hình kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025; dự toán thu, chi ngân sách năm 2026, cụ thể như sau:

#### **A. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

##### **I. VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Dự toán thu ngân sách nhà nước giao thu trên địa bàn 34.296 triệu đồng (chưa kể thu chuyển nguồn, thu kết dư, thu bổ sung có mục tiêu) ước thực hiện đến ngày 31/12/2025 là 41.758 triệu đồng, đạt và vượt chỉ tiêu dự toán UBND tỉnh, HĐND xã giao 122%; tiền thu sử dụng đất: 16.218 triệu đồng, đạt và vượt chỉ tiêu dự toán UBND tỉnh, HĐND xã giao 253% (trong đó thu xã hưởng 333 triệu đồng đạt 232%).

Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn ước thực thực hiện đến ngày 31/12/2025: 4.804 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán thu ngân sách HĐND xã giao.

Chi tiết các khoản thu cụ thể như sau:

- Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: ước thực hiện đến ngày 31/12/2025 là 12.788 triệu đồng, đạt 81,96% so với dự toán năm:

+ Thuế giá trị gia tăng ước thực hiện năm 2025 là 9.461,618 triệu đồng, đạt 75,04%.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp ước năm 2025 là 2.328,564 triệu đồng, đạt 325,22% so với dự toán năm.

+ Thuế tiêu thu đặc biệt ước năm 2025 là 73,441 triệu đồng, đạt 73,44% so với dự toán năm.

- Thuế tài nguyên ước thực hiện năm 2025 là 925,079 triệu đồng, đạt 42,43% so với dự toán năm.

- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước ước thực hiện năm 2025 là 31,450 triệu đồng, đạt 10,48% so với dự toán năm.

- Tiền thuế đất nông nghiệp ước thực hiện năm 2025 là 161,489 triệu đồng, đạt 161,49% so với dự toán năm.

- Thuế nhà đất ước thực hiện 1,496 triệu đồng

- Lệ phí trước bạ ước thực hiện năm 2025 là 5.635,206 triệu đồng, đạt 117,06% so với dự toán năm.

- Tiền khai thác khoáng sản ước thực hiện năm 2025 là 4,824 triệu đồng, đạt 32,16% so với dự toán năm.

- Phí, lệ phí ước thực hiện năm 2025 là 1.834 triệu đồng, đạt 173,23% so với dự toán năm.

- Thuế thu nhập cá nhân ước thực hiện năm 2025 là 4.455 triệu đồng, đạt 80,54% so với dự toán năm.

- Thu khác và phạt các loại ước thực hiện năm 2025 là 626 triệu đồng, đạt 176 so với dự toán năm.

*(Chi tiết có phụ lục số 01 kèm theo)*

Nhìn chung, năm 2025, Ủy ban nhân dân xã tập trung chỉ đạo quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ kết quả có 6/12 khoản thu thực hiện vượt dự toán HĐND xã giao.gồm: Thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; tiền sử dụng đất; lệ phí trước bạ; Thu phí và lệ phí ; thu khác và phạt các loại. Tuy nhiên, bên cạnh khoản thu thực hiện vượt dự toán HĐND giao, vẫn còn 6/12 khoản thu thực hiện không đạt dự toán HĐND giao: Thuế giá trị gia tăng (đạt 75,04% so với dự toán); Thuế tiêu thu đặc biệt hàng nội địa (đạt 73,44% so với dự toán); Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (đạt 10,48% so với dự toán); Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đạt 32,16% so với dự toán); Thuế thu nhập cá nhân (đạt 80,54% so với dự toán).

## **II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện đến ngày 31/12/2025 là 287.001,734 triệu đồng đạt 97,19% so với kế hoạch (trong đó chi thường xuyên đạt 96,61%) . Nguyên nhân tăng so với dự toán là do trong năm tỉnh bổ sung mục tiêu kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ từ cấp huyện chuyển về xã khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, kinh phí thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo NĐ 178, NĐ 154, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu,.... Tình hình thực hiện chi một số lĩnh vực, cụ thể như sau:

### **1. Chi đầu tư phát triển**

Ước thực hiện đến ngày 31/12/2025 là 151.426, triệu đồng đạt 97,68%.

### **2. Chi thường xuyên**

Ước thực hiện đến ngày 31/12/2025 là 128.872 triệu đồng đạt 96,61%

### **3. Chi vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu Quốc gia**

Ước thực hiện đến ngày 31/12/2025 là 6.703,134 triệu đồng đạt 100%

*(chi tiết có phụ lục số 02 kèm theo)*

### **B. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026**

Năm 2026, tình giao dự toán thu chi, cụ thể như sau:

**1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 25.644.000 ngàn đồng.**

**2. Dự toán thu ngân sách xã năm 2026: 201.566.000 ngàn đồng.**

- Thu ngân sách xã hưởng: 16.917.000 ngàn đồng;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 184.649.000 ngàn đồng;

+ *Bổ sung cân đối: 145.395.000 ngàn đồng;*

+ *Bổ sung có mục tiêu: 39.254.000 ngàn đồng.*

**3. Dự toán chi ngân sách xã năm 2026: 201.566.000 ngàn đồng**

- Chi đầu tư phát triển: 8.516.000 ngàn đồng;

- Chi thường xuyên: 187.510.000 ngàn đồng

- Dự phòng ngân sách xã : 3.246.000 ngàn đồng.

- 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL: 2.294.000 ngàn đồng.

Ủy ban nhân dân xã kính báo cáo Hội đồng nhân dân xã.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy xã (B/c);
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã ;
- Cơ quan chuyên môn xã;
- Trung tâm phục vụ HCC;
- Lưu: VT, VP, Th.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Mạnh Cường**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: 435 /BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kbang)

ĐVT: Ngân đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Trong đó:		Ước thực hiện năm 2025	So sánh ước thực hiện năm 2025 / dự toán năm 2025 (%)
			Tỉnh hưởng	xã hưởng		
1	2	3=4+5	4	5	6	7=6/3*100
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>34.296.000</b>	<b>29.492.000</b>	<b>4.804.000</b>	<b>41.758.219</b>	<b>121,76</b>
1	Thuế CTN và DV Ngoài quốc doanh	15.604.000	15.020.100	583.900	12.788.702	81,96
a	Thuế giá trị gia tăng	12.608.000	12.080.100	527.900	9.461.618	75,04
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	716.000	716.000		2.328.564	325,22
c	Thuế TTĐB hàng nội địa	100.000	44.000	56.000	73.441	73,44
d	Thuế tài nguyên	2.180.000	2.180.000		925.079	42,43
2	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	300.000	300.000		31.450	10,48
3	Thuế nhà đất/Thuế đất phi Nông nghiệp	100.000	-	100.000	161.489	161,49
4	Thuế nhà đất/Nông nghiệp				1.496	
5	Tiền sử dụng đất	6.400.000	6.256.000	144.000	16.218.342	253,41
6	Lệ phí trước bạ	4.814.000	4.291.000	523.000	5.635.206	117,06
7	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	15.000	15.000	-	4.824	32,16
8	Thu phí và lệ phí	1.059.000	561.400	497.600	1.834.500	173,23
9	Thuế thu nhập cá nhân	5.532.000	2.711.500	2.820.500	4.455.271	80,54
10	Thu khác và phạt các loại	472.000	337.000	135.000	626.939	176
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>85.929.000</b>	<b>-</b>	<b>85.929.000</b>	<b>191.319.896</b>	<b>222,65</b>
1	Thu NS xã hưởng theo phân cấp	4.804.000		4.804.000	4.804.000	100,00
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	81.125.000	-	81.125.000	182.931.456	225,49
a	Bổ sung cân đối	22.084.000		22.084.000	22.196.000	100,51
b	Bổ sung mục tiêu	305.000		305.000	160.735.456	52.700,15
3	Thu chuyển nguồn				3.583.958	
4	Thu kết dư				482	

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: 435/BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kbang)

ĐVT: Ngàn đồng

Số TT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	So sánh ước thực hiện năm 2025/dự toán năm 2025(%)
A	B	1	2	4=3/1*100
	<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	<b>295.309.109</b>	<b>287.001.734</b>	<b>97,19</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực</b>	<b>155.019.410</b>	<b>151.426.610</b>	<b>97,68</b>
1	Chi từ nguồn vốn trong nước	155.019.410	151.426.610	97,68
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>133.387.582</b>	<b>128.872.000</b>	<b>96,61</b>
1	Chi dân quân tự vệ	738.030	560.000	75,88
2	Chi an ninh trật tự	1.035.460	980.000	94,64
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	52.307.032	51.205.000	97,89
4	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	60.000		-
5	Chi Y tế, dân số và gia đình	116.512	-	-
6	Chi Văn hóa thông tin, thông tin và thể thao	2.297.755	1.937.000	84,30
9	Chi Bảo vệ môi trường	912.300	902.000	98,87
10	Chi Các hoạt động kinh tế	2.493.714	2.390.000	95,84
11	Chi Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	67.712.065	65.438.000	96,64
12	Chi Bảo đảm xã hội	5.714.714	5.460.000	95,54
13	Chi khác	-		
<b>III</b>	<b>Kinh phí 10% chi thường xuyên thực hiện CCTL</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi chương trình MTQG ( vốn sự nghiệp)</b>	<b>6.703.124</b>	<b>6.703.124</b>	<b>100,00</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>198.993</b>		